

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÀI: Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Úc trong tháng  
8/2024**

**THUỘC NHIỆM VỤ**

**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai  
hiệp định CPTPP năm 2024”**

**Hà Nội, 2024**

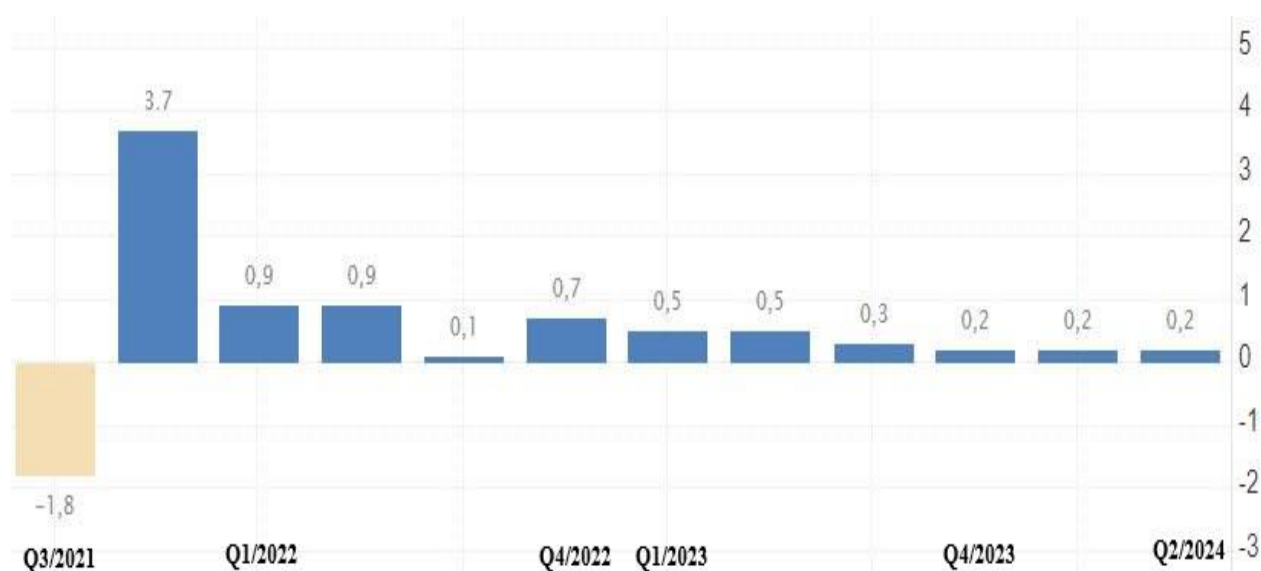
---

## Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Úc trong tháng 8/2024

Trong quý II/2024, kinh tế Úc tăng trưởng 0,2%, là quý giảm tốc thứ 6 liên tục, và dự tính giữ nguyên mức này trong quý 3/2024. Tốc độ tăng trưởng chậm phần lớn là do chi tiêu của chính phủ tiếp tục tăng (1,4% so với 1,2% trong quý 1/2024) sau khi các phúc lợi xã hội được mở rộng. Trong khi đó, chi tiêu hộ gia đình, chiếm một nửa GDP, giảm 0,2% so với mức 0,6% của quý trước đó. Về lĩnh vực thương mại, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 0,5% nhưng nhập khẩu giảm 0,2%. Chi tiêu hộ gia đình giảm 0,2%, đầu tư giảm 0,1% và giá xuất khẩu giảm 3%. Ngoài ra, nền kinh tế chậm lại còn do sức nặng của lãi suất cao.

**Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP của Úc từ quý 3/2021 đến quý 2/2024**

*Đơn vị tính: %*



*Nguồn: Tradingeconomics.com*

- **CPI:** Theo Thông cáo báo chí do Cục Thống kê Úc (ABS) phát hành, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng tháng đã tăng 2,7% trong tháng 8/2024, giảm so với mức 3,5% vào tháng 7/2024 và là mức thấp nhất kể từ tháng 8/2021.

Giá nhiên liệu ô tô và điện giảm là những yếu tố điều tiết đáng kể lạm phát hàng năm trong tháng 8/2024. Cụ thể, giá nhiên liệu ô tô thấp hơn 7,6% so với tháng 8/2023. Tác động kép của các khoản hoàn trả của Quỹ cứu trợ năng lượng thuộc Khối thịnh vượng chung và các khoản hoàn trả của Chính quyền tiểu bang tại Queensland, Tây Úc và Tasmania đã thúc đẩy giá điện giảm đến 17,9%, là mức giảm giá điện hàng năm lớn nhất.

CPI không bao gồm các mặt hàng dễ biến động và du lịch nghỉ lễ trong tháng 8/2024 là 3,0%, giảm so với mức 3,7% của tháng 7/2024. Lạm phát trung bình cắt giảm hàng năm trong tháng 8/2024, không bao gồm cả mức giảm của Nhiên liệu ô tô và Điện, cùng với các mức tăng và giảm giá lớn khác, là 3,4%, giảm so với mức 3,85% của tháng 7/2024.

**Biểu đồ 2: Chỉ số CPI của Úc từ tháng 8/2020 đến tháng 8/2024**

*Đơn vị tính: %*

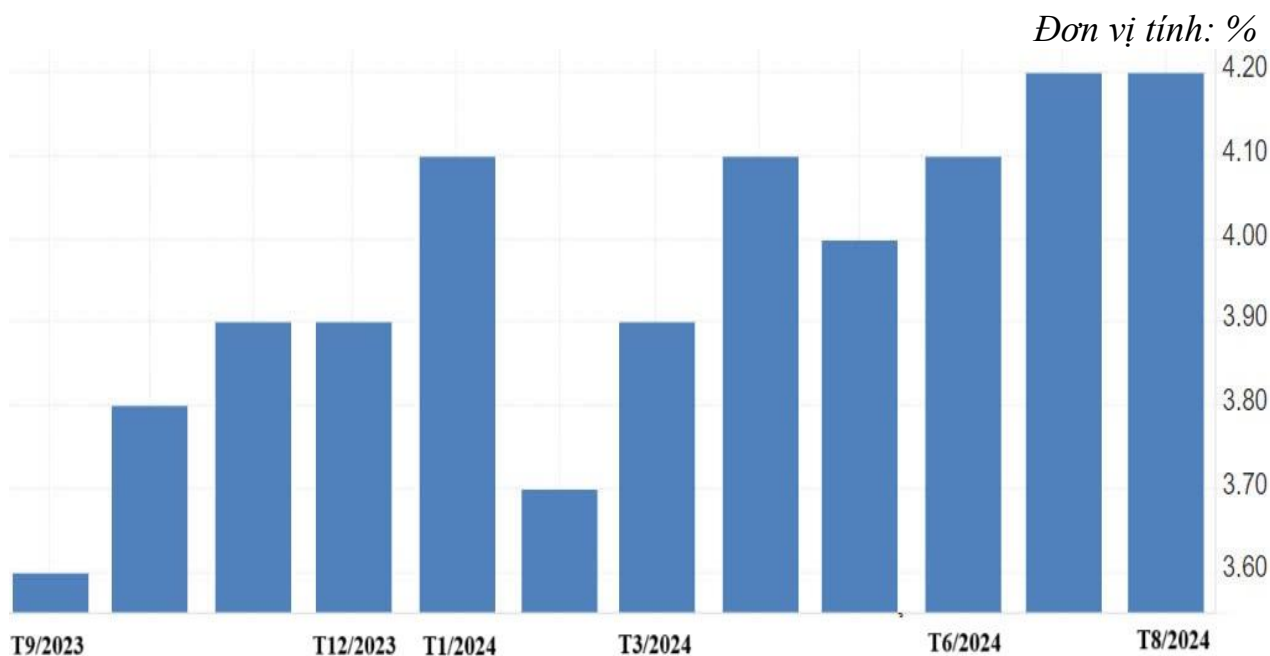


*Nguồn: Cục Thống kê Úc*

- **Tỷ lệ thất nghiệp:** Tỷ lệ thất nghiệp theo mùa của Úc ở mức 4,2% trong tháng 8/2024, không thay đổi so với tháng 7/2024. Số lượng cá nhân thất nghiệp giảm 10,5 nghìn người xuống còn 627 nghìn người, trong đó những người tìm kiếm việc làm toàn thời gian giảm 7,4 nghìn người xuống còn 421,9 nghìn người

và những người tìm kiếm việc làm bán thời gian giảm 3,2 nghìn người xuống còn 205 nghìn người. Trong khi đó, việc làm tăng 47,5 nghìn, đạt 14,46 triệu việc làm.

**Biểu đồ 3: Tỷ lệ thất nghiệp của Úc từ tháng 9/2023 đến tháng 8/2024**



*Nguồn: Tradingeconomics*

### ***Tình hình thương mại của thị trường trong tháng***

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), thương mại Úc đạt thặng dư 3 tỷ USD trong tháng 7/2024, nâng thặng dư thương mại trong 7 tháng năm 2024 lên 36,88 tỷ USD, nhưng giảm 39,61% so với cùng kỳ năm trước.

- Xuất khẩu: Thống kê từ số liệu của ITC, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Úc tháng 7/2024 giảm 5,87% so với tháng trước đó và giảm 2,77% so với tháng 7/2023, đạt 28,3 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Úc trong 7 tháng đầu năm 2024 lên 201,78 tỷ USD, giảm 8,43% so với cùng kỳ năm 2023.

Xuất khẩu hàng hóa của Úc sang phần lớn các thị trường lớn đều giảm. Kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc – thị trường tiêu thụ lớn nhất của Úc – tháng 7/2024 giảm 16,04% so với tháng 7/2023 và 7 tháng năm nay giảm 12,62% so với 7 tháng cùng kỳ năm ngoái.

Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường lớn thứ hai của Úc là Nhật Bản tháng 7/2024 cũng giảm 15,81% so với tháng 7/2023 và 7 tháng năm 2024 giảm 21,01% so với cùng kỳ năm 2023.

Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 11 của Úc. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Úc sang Việt Nam chỉ chiếm 1,96% tổng kim ngạch xuất khẩu của Úc sang các thị trường trong 7 tháng năm 2024.

**Bảng 1: Xuất khẩu hàng hoá của Úc sang một số thị trường tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024**

Thị trường	T7/2024 (triệu USD)	So T6/2024 (%)	So T7/2023 (%)	7T/2024 (triệu USD)	So 7T/2023 (%)
<b>Tổng</b>	<b>28.303</b>	<b>-5,87</b>	<b>-2,77</b>	<b>201.786</b>	<b>-8,43</b>
Trung Quốc	7.986	-14,06	-16,04	63.011	-12,62
Nhật Bản	2.623	-7,04	-15,81	18.192	-21,01
Hàn Quốc	1.748	22,80	27,24	11.672	0,23
Hoa Kỳ	1.479	23,77	18,68	8.225	1,47
Ấn Độ	1.266	0,52	10,82	7.563	0,16
Hồng Kông	624	-21,44	47,95	5.909	106,42
Đài Loan	658	-19,50	-15,24	5.216	-21,12
Singapore	743	-23,84	47,55	5.088	22,14
New Zealand	729	17,07	-0,94	4.624	-3,99
Indônêsi	793	20,76	-0,34	4.496	2,08
Việt Nam	608	-12,73	1,18	3.956	-13,35
Vương quốc Anh	770	-21,89	297,84	3.078	62,69
Malaysia	454	14,01	12,99	2.866	-15,00

Thị trường	T7/2024 (triệu USD)	So T6/2024 (%)	So T7/2023 (%)	7T/2024 (triệu USD)	So 7T/2023 (%)
Thái Lan	274	-11,66	-30,39	2.116	-28,57
Các TVQ Arập Thống nhất	274	12,84	12,16	2.107	13,31
Hà Lan	210	-21,29	-32,36	1.977	-0,79

*Nguồn: Trademap*

- *Nhập khẩu:* Trong khi xuất khẩu có xu hướng giảm thì hoạt động nhập khẩu hàng hóa của Úc có dấu hiệu tăng. Tháng 7/2024, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng của Úc tăng 11,68% so với tháng 6/2024 và tăng 10,62% so với tháng 7/2023, đạt 25,29 tỷ USD. Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Úc trong 7 tháng đầu năm 2024 tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước, đạt 164,91 tỷ USD.

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất nhưng cũng là nguồn cung lớn nhất của Úc. Nhập khẩu của Úc từ nguồn cung này cũng có chiều hướng tăng nhẹ với kim ngạch nhập khẩu tháng 7/2024 tăng 15,03% so với tháng 6/2024, tăng 10,54% so với tháng 7/2023, và 7 tháng năm 2024 tăng 3,44% so với cùng kỳ năm ngoái.

Việt Nam là nguồn cung lớn thứ 9 của Úc, tuy tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các nguồn cung của Úc trong 7 tháng đầu năm nay đã tăng (so với mức 2,3% trong 7 tháng đầu năm 2023) nhưng cũng chỉ chiếm 2,67% tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa của Úc. Trong khi đó, tỷ trọng của các nguồn cung cạnh tranh khác cùng trong khu vực ASEAN đang cao hơn Việt Nam, như: Thái Lan chiếm 4,66% tỷ trọng; Malaysia chiếm 3,75%; Singapore chiếm 3,68%.

**Bảng 2: Nhập khẩu hàng hoá của Úc từ một số nguồn cung chính tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024**

Nguồn cung	T7/2024 (triệu USD)	So T6/2024 (%)	So T7/2023 (%)	7T/2024 (triệu USD)	So 7T/2023 (%)
<i>Tổng</i>	<i>25.294</i>	<i>11,68</i>	<i>10,62</i>	<i>164.909</i>	<i>3,52</i>

<b>Nguồn cung</b>	<b>T7/2024 (triệu USD)</b>	<b>So T6/2024 (%)</b>	<b>So T7/2023 (%)</b>	<b>7T/2024 (triệu USD)</b>	<b>So 7T/2023 (%)</b>
Trung Quốc	6.067	15,03	10,54	40.610	3,74
Hoa Kỳ	2.927	-1,56	1,63	19.147	5,48
Hàn Quốc	1.306	-4,04	45,08	9.946	5,22
Nhật Bản	1.536	13,78	-6,01	9.526	-1,82
Thái Lan	1.119	20,96	8,65	7.691	14,92
Đức	1.170	14,53	19,87	7.193	1,16
Malaysia	855	-12,46	-1,51	6.181	-13,13
Singapore	841	-9,19	1,60	6.075	-2,77
Việt Nam	675	-2,13	22,40	4.399	20,29
Ấn Độ	983	119,57	18,38	4.142	16,36
Đài Loan	530	-14,40	-2,33	3.713	5,82
Italia	603	24,57	13,83	3.665	0,61
Vương quốc Anh	420	-0,43	1,32	3.136	1,11
Indônêsiã	601	42,23	83,96	3.014	41,38
Pháp	460	17,70	8,14	2.977	4,55
New Zealand	410	14,86	6,95	2.732	-7,40
Mêhicô	273	18,39	2,07	1.836	8,39
Thụy Sĩ	216	3,82	0,57	1.558	-8,56
Brunây	120	40,22	-53,92	1.476	17,79
Canada	240	16,17	14,65	1.424	-5,74

<b>Nguồn cung</b>	<b>T7/2024 (triệu USD)</b>	<b>So T6/2024 (%)</b>	<b>So T7/2023 (%)</b>	<b>7T/2024 (triệu USD)</b>	<b>So 7T/2023 (%)</b>
Papua New Guinea	230	-0,30	22,79	1.392	22,26
Tây Ban Nha	245	41,98	53,43	1.373	10,97
Hà Lan	163	-25,07	3,43	1.305	6,64
Thụy Điển	161	23,38	4,97	1.247	16,34
Bỉ	189	54,40	75,19	1.164	-8,76
Ai Len	172	56,26	41,19	1.052	9,61

*Nguồn: Trademap*

### **Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với thị trường Úc trong tháng**

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Úc tiếp tục tăng và nhập khẩu từ Úc giảm đã giúp thu hẹp dần mức thâm hụt của Việt Nam trong quan hệ thương mại với Úc. Thâm hụt thương mại của Việt Nam trong tháng 8/2024 ở mức 126,10 triệu USD, giảm 9,3% so với mức thâm hụt 139,1 triệu USD trong tháng 8/2023. Tính trong 8 tháng năm 2024, mức thâm hụt thương mại là 833,83 triệu USD, giảm 63,87% so với mức thâm hụt 2,31 tỷ USD trong cùng kỳ năm ngoái.

#### ***Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Úc***

Thống kê từ số liệu hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Úc tháng 8/2024 tăng 4,6% so với tháng 7/2024 và tăng 5,23% so với tháng 8/2023, đạt 642,28 triệu USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng năm 2024 lên 4,4 tỷ USD, tăng 27,31% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng có trị giá xuất khẩu cao nhất, và cũng đạt mức tăng trưởng mạnh nhất. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này sang Úc đạt 137,9 triệu USD trong tháng 8/2024, tăng 50,82% so với tháng 8/2023; kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng năm 2024 tăng đến 133,11%



so với cùng kỳ năm trước, đạt 833,94 triệu USD, chiếm 18,95% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu sang Úc.

Điện thoại các loại và linh kiện là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu lớn thứ hai với kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng năm nay đạt 515,62 triệu USD, tăng 14,37% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nhiều mặt hàng công nghiệp xuất khẩu chủ lực khác của Việt Nam cũng tăng khá trong 8 tháng năm 2024 như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (tăng 27,14%); Hàng dệt may (tăng 18,39%); Phương tiện vận tải và phụ tùng (tăng 56,26%) ...

Một số mặt hàng nông nghiệp xuất khẩu sang Úc cũng tăng trưởng mạnh, như: Rau quả (tăng 28,99%); Thủy sản (tăng 8,86%); Hạt điều (tăng 10,51%); Cà phê (tăng 66,39%) ...

**Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu một số hàng hoá của Việt Nam sang Úc tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024**

Tên nhóm/mặt hàng	T8/2024 (triệu USD)	So T7/2024 (%)	So T8/2023 (%)	8T/2024 (triệu USD)	So 8T/2023 (%)	Tỷ trọng trong 8T/2024 (%)
<b>Tổng KNXK</b>	<b>642,28</b>	<b>4,6</b>	<b>5,23</b>	<b>4.400,68</b>	<b>27,31</b>	<b>100,00</b>
Hàng thủy sản	30,49	-3,22	7,67	215,27	8,86	4,89
Hàng rau quả	11,37	20,99	16,83	69,33	28,99	1,58
Hạt điều	11,78	24,16	-2,55	66,36	10,51	1,51
Cà phê	7,68	285,25	164,26	40,44	66,39	0,92
Hạt tiêu	1,37	-24,45	40,48	8,40	40,69	0,19
Gạo	4,33	26,14	18,33	20,98	24,18	0,48
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	4,56	-7	56,65	26,90	15,46	0,61
Clanhke và xi măng	3,10	-12,22	-1,06	17,27	1,34	0,39
Dầu thô	47,58	61,47	-43,75	417,17	1,11	9,48

<b>Tên nhóm/mặt hàng</b>	<b>T8/2024 (triệu USD)</b>	<b>So T7/2024 (%)</b>	<b>So T8/2023 (%)</b>	<b>8T/2024 (triệu USD)</b>	<b>So 8T/2023 (%)</b>	<b>Tỷ trọng trong 8T/2024 (%)</b>
Chất dẻo nguyên liệu	1,52	-0,41	-29,34	11,96	31,68	0,27
Sản phẩm từ chất dẻo	8,77	-4,02	8,02	65,17	15,92	1,48
Sản phẩm từ cao su	2,89	61,56	18,08	14,07	5,99	0,32
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	8,38	38,91	21,36	42,25	8,57	0,96
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	1,11	-26,44	-42,3	9,06	-5,92	0,21
Gỗ và sản phẩm gỗ	15,88	13,7	-5,59	102,25	10,95	2,32
Giấy và các sản phẩm từ giấy	8,44	27,5	13,15	58,30	17,57	1,32
Hàng dệt, may	58,41	6,62	16,32	371,81	18,39	8,45
Giày dép các loại	38,63	7,89	32,84	254,65	2,6	5,79
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1,21	25	-43,03	6,09	-32,22	0,14
Sản phẩm gốm, sứ	1,30	-17,84	1,34	10,62	15,66	0,24
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1,97	38,33	35,14	10,67	-4,97	0,24
Sắt thép các loại	10,75	-61,09	-55,3	129,54	36,35	2,94
Sản phẩm từ sắt thép	18,14	9,35	11,42	118,08	12,51	2,68
Kim loại thường khác và sản phẩm	4,91	2,18	-5,59	36,20	34,33	0,82
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	69,65	5,61	27,92	414,20	27,14	9,41
Điện thoại các loại và linh kiện	53,64	-18,45	-11,36	515,62	14,37	11,72
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	3,28	25,32	-17,96	22,81	3,65	0,52
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	137,90	-2	50,82	833,94	133,11	18,95
Dây điện và dây cáp điện	4,23	-15,62	44,81	29,27	79,21	0,67

Tên nhóm/mặt hàng	T8/2024 (triệu USD)	So T7/2024 (%)	So T8/2023 (%)	8T/2024 (triệu USD)	So 8T/2023 (%)	Tỷ trọng trong 8T/2024 (%)
Phương tiện vận tải và phụ tùng	8,07	-11,41	-43,24	90,62	56,26	2,06
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	5,26	-4,16	16,62	25,55	20,32	0,58
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	9,32	21,17	23,69	54,46	23,93	1,24
Sản phẩm hóa chất	3,72	7,83	1,43	25,66	-2,36	0,58

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

Trong số các mặt hàng xuất khẩu sang Úc trong 8 tháng năm 2024, chỉ có 4 mặt hàng có dấu hiệu giảm. Đó là Sản phẩm hóa chất (giảm 2,26%); Đá quý, kim loại quý và sản phẩm (giảm 4,97%); Sản phẩm mây, tre, cói và thảm (giảm 5,92%); Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (giảm 32,22%). Tuy nhiên, trị giá xuất khẩu những mặt hàng này đều thấp, chỉ chiếm dưới 0,6% tỷ trọng trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Úc.

### ***Nhập khẩu hàng hóa từ Úc***

Nhập khẩu hàng hóa từ Úc có xu hướng giảm. Kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng từ Úc trong tháng 8/2024 đạt 768,38 triệu USD, giảm 2,95% so với tháng 7/2024. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Úc trong 8 tháng năm nay giảm 9,19% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 5,23 tỷ USD, chiếm 16,75% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ 10 quốc gia đối tác thành viên CPTPP.

Than các loại là mặt hàng có trị giá nhập khẩu lớn nhất từ Úc, đạt 278,89 triệu USD trong tháng 8/2024, giảm 19,29% so với tháng 7/2024. Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này từ Úc 8 tháng năm nay giảm 13,68% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2 tỷ USD, chiếm 38,3% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Úc.

Nhập khẩu nhiều nhóm hàng khác trong 8 tháng năm 2024 cũng giảm khá so với cùng kỳ năm trước, như: Lúa mì (giảm 69,09%, đạt 241,69 triệu USD); Bông các loại (giảm 31,39%, đạt 362,66 triệu USD); Sắt thép các loại (giảm 48,5%, đạt 10,59 triệu USD) ...

**Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu một số hàng hoá của Việt Nam từ Úc tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024**

Tên nhóm/mặt hàng	T8/2024 (triệu USD)	So T7/2024 (%)	So T8/2023 (%)	8T/2024 (triệu USD)	So 8T/2023 (%)	Tỷ trọng trong 8T/2024 (%)
<b>Tổng KNNK</b>	<b>768,38</b>	<b>-2,95</b>	<b>2,52</b>	<b>5.234,51</b>	<b>-9,19</b>	<b>100,00</b>
Sữa và sản phẩm sữa	14,35	13,28	277,35	81,71	108,8	1,56
Hàng rau quả	17,14	21,59	18	88,58	-11,67	1,69
Lúa mì	14,23	-46,2	-68,28	241,69	-69,09	4,62
Dầu mỡ động, thực vật	1,48	9,86	96,31	9,50	29,44	0,18
Chế phẩm thực phẩm khác	1,50	-24,87	53,55	10,46	2,36	0,20
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	5,96	52,71	55,23	54,65	45,11	1,04
Quặng và khoáng sản khác	120,63	-4,37	-5,85	899,15	30,31	17,18
Than các loại	278,89	-19,29	34,8	2.005,03	-13,68	38,30
Khí đốt hóa lỏng	0,00			39,24		0,75
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	0,91	-52,76	11,09	8,55	-1,68	0,16
Hóa chất	0,16	256,2	36,2	0,70	-8,96	0,01

Tên nhóm/mặt hàng	T8/2024 (triệu USD)	So T7/2024 (%)	So T8/2023 (%)	8T/2024 (triệu USD)	So 8T/2023 (%)	Tỷ trọng trong 8T/2024 (%)
Sản phẩm hóa chất	3,08	-23,66	182,03	20,78	12,27	0,40
Dược phẩm	2,84	-56,33	18,97	36,05	72,14	0,69
Chất dẻo nguyên liệu	0,25	-0,44	-46,23	2,82	-30,3	0,05
Gỗ và sản phẩm gỗ	0,80	55,33	25,26	3,59	-41,06	0,07
Bông các loại	91,21	92,28	-31,24	362,66	-31,39	6,93
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	0,93	-51,42	-28,92	11,51	0,45	0,22
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1,36	-8,2	3,37	8,06	-19,98	0,15
Phế liệu sắt thép	21,82	29908,16	-17,14	86,51	10,62	1,65
Sắt thép các loại	0,70	-27,64	1445,55	10,59	-48,5	0,20
Sản phẩm từ sắt thép	0,54	-11,81	50,6	3,44	-25,4	0,07
Kim loại thường khác	102,10	-22,03	128,32	692,71	108,92	13,23
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	3,42	110,57	10,29	19,06	1,69	0,36

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

Tuy nhiên, nhập khẩu một số mặt hàng thế mạnh của Úc như quặng và khoáng sản, kim loại thường khác, sữa và sản phẩm sữa... vẫn tăng rất mạnh. Cụ thể, tính trong 8 tháng năm nay, kim ngạch nhập khẩu quặng và khoáng sản từ Úc tăng 30,31% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 899,15 triệu USD, chiếm 17,18% tỷ trọng trong cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu từ Úc; kim ngạch nhập khẩu các kim loại thường khác tăng tới 108,92%, đạt 692,71 triệu USD, chiếm 13,23% tỷ trọng;

---

kim ngạch nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa cũng tăng đến 108,8%, đạt 81,71 triệu USD. Đây là các mặt hàng có trị giá nhập khẩu từ Úc cao, do đó tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ quốc gia này chỉ giảm nhẹ dù trị giá nhập khẩu các mặt hàng khác giảm mạnh.

### **Thông tin chính sách và các rào cản thuế quan liên quan đến thị trường**

Ngày 08/08/2024, Úc đã gửi Thông báo số G/SPS/N/AUSTRALIA/595 đến Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) về việc cập nhật Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Úc.

Úc đảm bảo những thay đổi này vẫn tuân thủ và đáp ứng các nghĩa vụ quốc tế của Úc theo Công ước bảo vệ thực vật quốc tế (IPPC) và Tiêu chuẩn quốc tế về biện pháp kiểm dịch thực vật (ISPM). Các trường bổ sung này hỗ trợ Giải pháp IPPC ePhyto và việc điều hòa các giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật dạng giấy và điện tử.

Tất cả các giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sẽ bao gồm ba trường mới:

- Phân sản phẩm
- Tình trạng sản phẩm
- Mục đích sử dụng

Việc bổ sung ba trường mới trên sẽ thay đổi giao diện giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của Úc và vị trí của một số trường hiện có.

Chứng chỉ cập nhật sẽ được phát hành vào tháng 10/2024, áp dụng đối với tất cả các loại cây trồng và sản phẩm từ thực vật. Trong suốt thời gian này, sẽ có một thời gian chuyển tiếp để xem và chấp nhận chứng chỉ cũ và mới.

### **Triển vọng và dự báo**

Mặc dù lạm phát tại Úc ở mức cao nhưng đã bắt đầu có dấu hiệu giảm dần và vẫn trong tầm kiểm soát của chính phủ. Kinh tế Úc được dự báo tránh được suy thoái trong năm nay. Cùng với trợ lực từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ

---

mới, trong đó có CPTPP, mà Việt Nam và Úc tham gia, Úc vẫn được đánh giá là thị trường tiềm năng của nhiều mặt hàng nông thủy sản Việt Nam trong thời gian tới.

### ***1. Yếu tố tác động tiêu cực***

Các quy định tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm trong Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc quy định mới được Úc ban hành, áp dụng, đã và đang là rào cản thương mại đối với các sản phẩm nhập khẩu của nhiều nguồn cung, trong đó có Việt Nam.

Mở cửa cho chanh leo và mận của Việt Nam được nhập khẩu vào Úc nhưng đồng thời, Úc cũng đã gửi thông báo đến WTO ngày 19/9/2024 để công bố các điều kiện nhập khẩu chanh dây tươi từ Việt Nam để tiêu thụ cho con người.

Với nhóm hàng thủy sản, trong khối CPTPP, Australia là thị trường tiêu thụ tôm lớn thứ hai (sau Nhật Bản) và là thị trường tiêu thụ cá tra lớn thứ tám của Việt Nam. Nhưng Úc có các rào cản kỹ thuật, yêu cầu về nhãn mác, an toàn vệ sinh thực phẩm rất khắt khe, một số tiêu chuẩn còn cao hơn cả Hoa Kỳ và EU.

### ***2. Yếu tố tác động tích cực***

Sau hơn 50 năm quan hệ ngoại giao, 15 năm thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện và 6 năm quan hệ Đối tác chiến lược, cuối quý 1/2024, Thủ tướng Úc Anthony Albanese và Thủ tướng Phạm Minh Chính đã nhất trí nâng cấp quan hệ hai bên lên Đối tác chiến lược toàn diện. Theo đó, hai bên nhất trí tạo thuận lợi cho việc mở cửa thị trường đối với các mặt hàng nông sản của nhau, hướng tới mục tiêu đa dạng hóa chuỗi cung ứng cho hai nước.

Việt Nam có tiềm năng và lợi thế về trái cây nhiệt đới. Hiện trái cây Việt Nam xuất khẩu đi hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ. Riêng chanh leo là 20 quốc gia, dưới nhiều dạng như quả tươi, đông lạnh, nước ép. Sau nỗ lực đàm phán, mở cửa thị trường và sự phối hợp chặt chẽ của hai bên, chanh leo trở thành loại trái cây thứ 5 của Việt Nam được xuất chính ngạch sang Úc, sau xoài, nhãn, vải thiều,

---

thanh long. Như vậy, nông sản – vốn là là nhóm hàng xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam – sẽ có thêm nhiều cơ hội thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường Úc. Không những thế, với việc được phép xuất khẩu sang Úc - một thị trường có nhiều tiêu chuẩn nghiêm ngặt hàng đầu thế giới, chanh dây Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội phát triển trên cả thị trường quốc tế.

Đồng thời, các tuyến vận tải thương mại Việt Nam và Úc khá thuận lợi, cả đường thủy lẫn đường hàng không. Đặc biệt, việc Việt Nam và Úc cùng tham gia nhiều hiệp định thương mại song phương và đa phương mang đến ưu đãi thuế quan đáng kể, giúp hàng hóa Việt Nam gia tăng sức cạnh tranh tại thị trường này.